TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **26**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2018.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Đức.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đinh Ngọc Hùng.
2. Ông Đặng Quang Hoạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 817/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc:*"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị D, sinh năm 1984.
Địa chỉ: tổ 5A2 khu phố 5, TT TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.
2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Đăng B, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Tổ 8, ấp TP, xã Đ61, huyện T B, tỉnh Đồng Nai.
(Bà D, ông Bvắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:

Bà D và ông Nguyễn Đăng B tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2003 tại UBND thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã do lối sống tính cách không phù hợp, vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 7 – 8 năm

nay. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà D xin ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà D, ông B có 01 người con chung tên Nguyễn L, sinh ngày 10/8/2005. Ly hôn, bà D xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Đăng B vắng mặt nên không có lời trình bày.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật.

Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D. Bà D được ly hôn với ông Nguyễn Đăng B.

Về con chung: Giao 01 người con chung tên Nguyễn L, sinh ngày 10/8/2005 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm thời ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

Về án phí HNGĐ-ST: Bà Dung phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Ngày 04/12/2017, bà Lê Thị D nộp đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Tòa án đã tiến hành triệu tập đương sự trong vụ án để làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Nguyễn Đăng B vắng mặt không có lý do; bà D có đơn xin vắng mặt nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D và ông Nguyễn Đăng B tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân thị trấn Trảng Bom, huyện Thống Nhất (nay là huyện Trảng Bom), tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 124, quyển số: 01/2003 ngày 08/9/2003 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà D xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 7 – 8 năm nay. Tòa án đã tiến hành triệu tập ông B nhiều lần để làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân trên. Xét thấy, vợ chồng bà D, ông B không còn chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình nên tình trạng hôn nhân giữa bà Du, ông B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà D xin ly hôn với ông B là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà D, ông B có 01 người con chung tên Nguyễn L, sinh ngày 10/8/2005. Ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. Hội đồng xét xử xét thấy cháu L còn nhỏ cần sự chăm sóc, dạy dỗ của mẹ nhiều hơn nên giao cháu L cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà D không yêu cầu nên tạm thời ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến trình bày của ông B nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[6]. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí: bà D phải nộp án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D. Bà Lê Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Đăng B.

2. Về con chung: Giao 01 người con chung tên Nguyễn L, sinh ngày 10/8/2005 cho bà Lê Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Đăng B tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

5. Về án phí HNGĐ-ST: Bà Lê Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 5953 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà D, ông B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND TT. Trảng Bom, H. Thống Nhất (nay là H.Trảng Bom), tỉnh Đồng Nai (GCN kết hôn số 124, quyển số 01/2003 ngày 08/9/2003)
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN BÁ ĐỨC